

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BGI  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 tháng 5 năm 2022

V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Đình Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGI tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BGI xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1978.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1973.

Đều địa chỉ: Thôn VG, xã TT, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

(Chị V1, anh Ph1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị V1 trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Ph1 được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức hôn lễ vào ngày 20/11/1995, nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới hai vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại thôn VG, xã TT, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, anh Ph1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, những lúc say rượu còn đánh đập chị, mâu thuẫn giữa chị và anh Ph1 cũng đã được hai

bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện nay mặc dù vợ chồng chị vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn Ph1 là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh Ph1 có hai con chung là cháu Nguyễn Văn H1 , sinh ngày 08/01/1997 và cháu Nguyễn Thị H2 , sinh ngày 12/3/2002. Hiện nay, cháu Hải và cháu H2 đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Ph1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị và anh Ph1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Ph1 trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị V1 kết hôn với nhau từ năm 1995 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương chị V1 về chung sống cùng gia đình anh. Về mâu thuẫn giữa anh và chị V1 là mâu thuẫn nhỏ. Nay chị V1 yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh Ph1 trình bày như lời trình bày của chị V1.

- Về tài sản chung; công nợ chung: Anh Ph1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh đối với ông Dương Văn T1, công chức tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân xã TT , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang cho biết: Qua kiểm tra tài liệu, sổ sách lưu trữ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của công dân tại Ủy ban nhân dân xã TT từ thời gian năm 1995 đến tháng tháng 3 năm 2022 không có trường hợp bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Văn Ph1 , sinh năm 1973 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

14 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.  
Xử:

- Không công nhận chị Nguyễn Thị V1 và anh Nguyễn Văn Ph1 là vợ chồng.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị V1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về Tố tụng:**

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph1 có địa chỉ tại xã TT, thành phố BGi, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BGi theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị V1 đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án nhân dân thành phố BGi căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V1 và anh Ph1 đều thống nhất trình bày được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm kết hôn, chị V1 và anh Ph1 có đủ điều kiện kết hôn, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật có hiệu lực tại thời điểm kết hôn). Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội không công nhận chị Nguyễn Thị V1 và anh Nguyễn Văn Ph1 là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị V1 và anh Ph1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị V1 và anh Nguyễn Văn Ph1 .

2. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị V1 phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận Chị V1 đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai số 0001373 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi .

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố BGi ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS thành phố BGi ;
- UBND xã TT ,  
thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Đình Hưng**